

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)**

**HỘI SỞ:**

Địa chỉ : 34B - Hàn Thuyên  
Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại : (84-4) 3944 5474  
Fax : (84-4) 3944 5475  
Email : [report@nsi.vn](mailto:report@nsi.vn)  
Website : <http://www.nsi.com.vn>

**CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ : 168 - Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84-8) 3821 7304  
Fax : (84-8) 3821 7305

## I. THÔNG TIN CHUNG.

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 170.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 34B - Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-4) 3944 5474
- Số fax: (84-4) 3944 5475
- Website: <http://www.nsi.vn>

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

##### 2.1 Giấy phép kinh doanh:

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy phép điều chỉnh nghiệp vụ kinh doanh số 196/UBCK-GP ngày 05/3/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/5/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép thay đổi địa điểm trụ sở chính số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ Công ty số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty

##### 2.2 Các mốc lịch sử quan trọng.

Mốc thời gian	Sự kiện
11/12/2006	Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng
15/12/2006	Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD với ngành nghề kinh doanh Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán
25/12/2006	Công ty được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 32/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp
29/12/2006	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
12/01/2007	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
27/7/2007	Quyết định số 441/QĐ/UBCK về việc lập Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
23/8/2007	Quyết định số 480/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.

19/7/2011	Công ty được chấp thuận đăng ký cung cấp dịch chứng khoán trực tuyến
09/01/2012	Quyết định bổ nhiệm bà Bùi Thị Việt Hà làm Tổng Giám đốc Công ty
24/4/2012	Quyết định số 392/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% Vốn điều lệ của Công ty
31/5/2012	Quyết định số 89/GPĐC-UBCK về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
04/7/2012	Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty về số 34B - Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
18/7/2012	Đóng cửa Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
31/10/2012	Quyết định số 903/QĐ-UBCK về việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
13/11/2012	Quyết định số 936/QĐ-UBCK về việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh về địa chỉ số 168 - Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
17/6/2013	Quyết định số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty (tăng vốn điều lệ Công ty lên 170.000.000.000 đồng).
15/5/2014,	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty: Bà Bùi Thị Việt Hà giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty thay cho ông Nguyễn Quang Vinh (Căn cứ Nghị quyết số: 11/2014/HĐQT-NQ ngày 15/5/2014)
17/6/2014	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
05/9/2014	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (ông Nguyễn Hải Dương giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (theo Nghị quyết số: 45/2014/HĐQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 05/9/2014)
18/9/2014	Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
19/11/2014	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Bùi Thị Việt Hà.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

#### 3.1 *Nghiệp vụ kinh doanh:*

- Môi giới Chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

#### 3.2 *Địa bàn kinh doanh:*

Hiện nay Công ty có trụ sở tại Hà nội và có Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

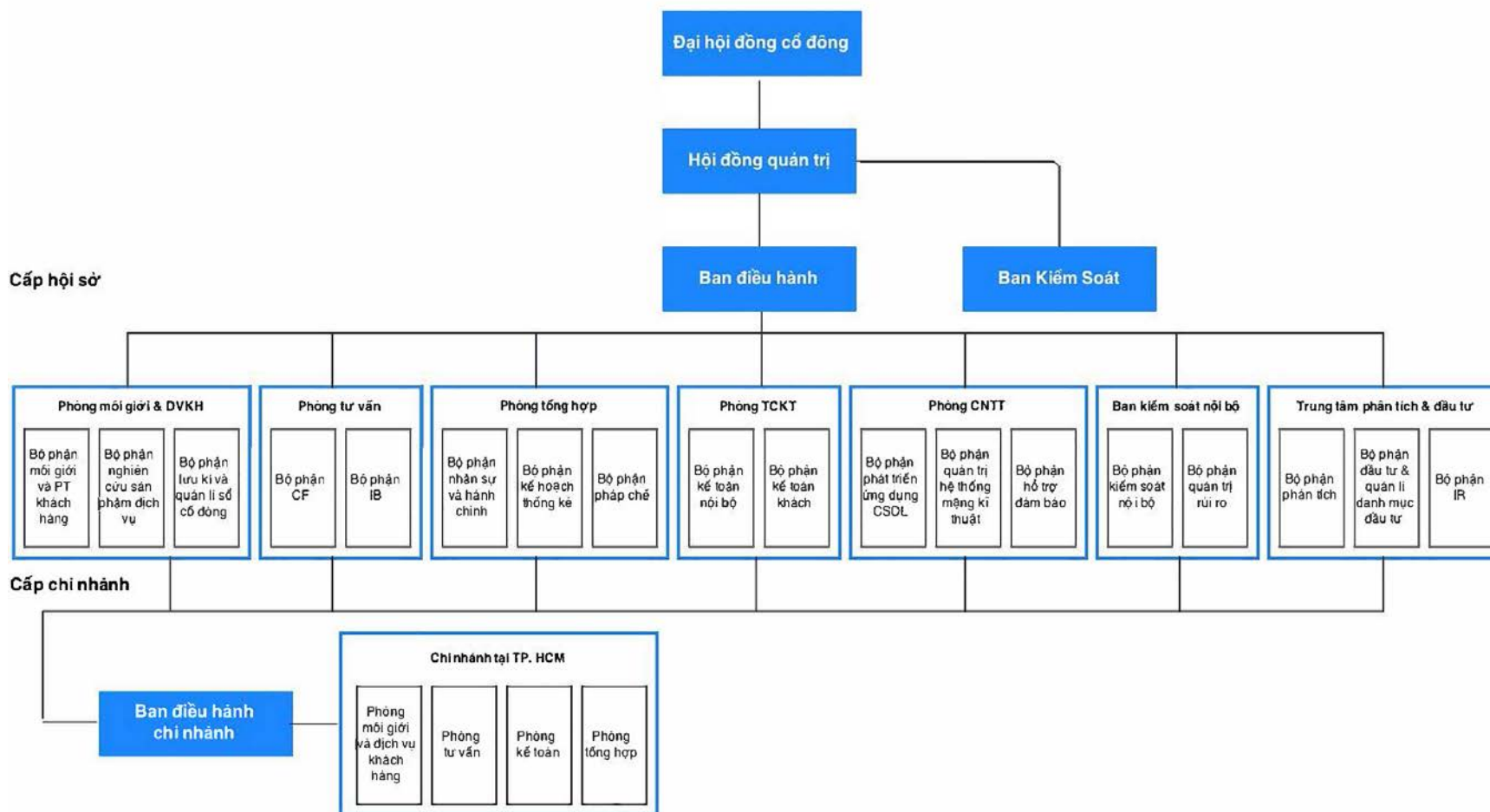
#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

##### **4.1 *Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý.***

- Mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia bao gồm: 1) Đại hội đồng cổ đông, 2) Hội đồng Quản trị, 3) Ban Kiểm soát, 4) Ban Tổng Giám đốc và 5) Các Phòng/ban chức năng, các Chi nhánh trực thuộc Công ty.
- Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân cấp, quản lý theo chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền; các Trưởng phòng/ban trực tiếp giải quyết công việc của Phòng/ban đó.
- Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đảm bảo hiệu quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

##### **4.2 *Cơ cấu bộ máy quản lý***

**CƠ CẤU TỔ CHỨC - CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**  
Đến cuối năm 2015



### **4.3 Các công ty con, công ty liên kết:**

Tính đến 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện việc liên kết hay thành lập công ty con nào khác.

## **5. Định hướng phát triển:**

Để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phát triển theo định hướng nâng cao năng lực tài chính, gia tăng đầy đủ các dịch vụ của công ty chứng khoán. Bên cạnh đó tiếp tục phát huy sức mạnh về con người và đặc biệt là đổi mới công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu đưa Công ty trở thành sự lựa chọn đáng tin cậy của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong, ngoài nước.

### **5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Công ty sẽ kết hợp việc đầu tư ngắn hạn để tìm kiếm lợi nhuận với việc thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lợi kỳ vọng tốt, bền vững, thanh khoản cao và giảm thiểu rủi ro biến động quá lớn theo thị trường niêm yết, thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép;
- Triển khai đồng bộ và mạnh mẽ các giải pháp để tạo sự đột phá của hoạt động môi giới trên cơ sở phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục tận dụng những ứng dụng công nghệ để hoàn thiện gia tăng các tiện ích, phát triển các sản phẩm mới và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới;
- Phát triển mạnh mẽ hoạt động tư vấn;
- Gia tăng giá trị của Công ty, tối đa hóa và đem lại các lợi ích thiết thực nhất cho các cổ đông;
- Nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực tài chính, đảm bảo khả năng triển khai các nghiệp vụ kinh doanh với quy mô và độ phức tạp cao;
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro, ngăn chặn kịp thời các khoản nợ xấu, nợ khó đòi;
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp, năng động, gắn liền với hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục chú trọng phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin cho các hoạt động để nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu các rủi ro.

### **5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Công ty phấn đấu từng bước nâng cao thị phần môi giới trên thị trường chứng khoán, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan với tiêu chí lấy khách hàng làm trọng tâm. Bên cạnh đó NSI xác định tôn chỉ hoạt động với lợi ích của khách hàng là cao nhất, mục tiêu đề cao là kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất.
- Phát triển thành Công ty Chứng khoán cung cấp đa dịch vụ ở Việt Nam.
- Liên kết và khai thác tốt khả năng bán chéo sản phẩm và cung cấp dịch vụ với các đối tác thân thiết của Công ty nhằm phát huy lợi thế về vốn, hệ thống dữ liệu khách hàng.

### **5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

NSI hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và quy định của thị trường chứng khoán, tài chính nói riêng. Trong tương lai NSI phấn đấu đạt lợi nhuận cao và sẽ trích một phần lợi nhuận đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng, xã hội.

## **6. Các rủi ro:**

### **6.1 Rủi ro hoạt động.**

a) Mô tả rủi ro hoạt động của công ty

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do thiếu vốn kinh doanh, đó các nguyên nhân khách quan khác.

b) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro hoạt động của công ty

- Để kiểm soát hoạt động, yêu cầu tất cả các Cán bộ công nhân viên của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ hiện hành; Trưởng các khối nghiệp vụ thực hiện kiểm soát tại khối mình phụ trách để hạn chế rủi ro.
- Toàn thể nhân viên Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia thường xuyên cập nhật thông tin, học hỏi và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ để đảm bảo hạn chế các rủi ro hoạt động của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.
- Rủi ro hoạt động được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia được đánh giá trên hệ thống kiểm soát nội bộ và đo lường trên hai phương diện: khả năng xảy ra, mức độ ảnh hưởng của rủi ro
- Ban Kiểm soát nội bộ kiểm tra các hoạt động hàng ngày và định kỳ kiểm tra giao dịch/ hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ để kiểm tra tính tuân thủ đối với các quy trình, quy chế, đồng thời kiểm tra tính hiệu quả của quy trình/ quy chế hiện hành để cập nhật quy trình/ quy chế nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động cho công ty.

### **6.2 Rủi ro về pháp luật.**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật thuế và các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán... Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật cũng như thông lệ quốc tế.

Với hệ thống luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chính sách, của hệ thống pháp luật thì có thể sẽ gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật, Công ty luôn phải cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

### **6.3 Rủi ro đặc thù.**

Rủi ro về cạnh tranh: Sự ra đời và bùng nổ của thị trường chứng khoán vào năm 2006 đã dẫn đến tình trạng hiện nay của thị trường chứng khoán là có quá nhiều công ty chứng khoán trong khi đó lượng khách hàng giao dịch thì ít. Công ty đã phải nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa ra các chính sách môi giới để giữ khách hàng và tìm kiếm khách hàng mới.

### **6.4 Rủi ro thị trường**

a) Mô tả rủi ro thị trường của công ty

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Biểu hiện của nó chính là sự biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cả trên thị trường, chỉ số giá cổ phiếu, sự ảnh hưởng của nền kinh tế...

b) Các công cụ tài chính nào chịu rủi ro thị trường: Không

c) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro thị trường của công ty

Liên tục theo dõi diễn biến của thị trường về nền kinh tế, tỷ giá....

d) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro thị trường của công ty

Rủi ro thị trường được quản lý thông qua việc xác lập và kiểm soát các hạn mức rủi ro. Tổng hạn mức của các loại rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động tạo thành mức chấp nhận rủi ro của Công ty, theo đó, hạn mức VAR cho rủi ro thị trường có thể được xác định theo phương pháp từ dưới lên hoặc từ trên xuống.

- Phương pháp từ dưới lên: Trên cơ sở số liệu VAR thống kê trong quá khứ, kế hoạch kinh doanh trong kỳ, diễn biến thị trường trong quá khứ và dự đoán trong tương lai, bộ phận

quản trị rủi ro thị trường đề xuất hạn mức VAR cho từng loại hình rủi ro. Cộng tổng các hạn mức VAR này sẽ ra hạn mức VAR cho rủi ro thị trường. Bằng phương pháp tương tự, sẽ xác lập được hạn mức rủi ro tín dụng và hoạt động. Sau khi đã có hạn mức của 3 loại rủi ro này, cộng tổng lại sẽ ra mức chấp nhận rủi ro của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

- Phương pháp từ trên xuống: Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chấp nhận rủi ro của Công ty. Trên cơ sở mức chấp nhận rủi ro đã được phê duyệt, sẽ tiến hành phân bổ hạn mức cho 3 loại: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Sau khi có hạn mức cho rủi ro thị trường, bộ phận quản trị rủi ro thị trường sẽ thực hiện phân bổ cho từng loại rủi ro thị trường của từng sở căn cứ trên số liệu thống kê, kế hoạch kinh doanh và phân tích diễn biến thị trường.

### **6.5 Rủi ro thanh toán**

#### **a) Mô tả rủi ro thanh toán của Công ty**

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán này sinh khi Công ty thực hiện các giao dịch đầu tư tự doanh và Repo (Trên thực tế NSI chưa có nghiệp vụ này). Trong thanh toán, cũng nảy sinh rủi ro tín dụng, nó phụ thuộc vào uy tín tín dụng (credit rating) của đối tác mà Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có giao dịch.

#### **b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro và quản trị rủi ro thanh toán của công ty**

Rủi ro thanh toán được đo lường trên các phương tiện: khả năng trả nợ của đối tác, tỷ lệ thu hồi nợ/ tổng công nợ; mức độ rủi ro và phân tích từng tình huống cụ thể.

Ban Kiểm soát nội bộ và phòng Kế toán xây dựng hạn mức tín dụng, hạn mức mở trong thanh toán đối với từng đối tác có giao dịch với Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia để trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Việc xây dựng hạn mức sẽ chi tiết đến từng đối tượng khách hàng qua đó ban Tổng Giám Đốc sẽ phân loại khách hàng phù hợp với từng thời kỳ để xác định uy tín tín dụng cho từng nhóm khách hàng trong mỗi giai đoạn.

Đo lường rủi ro thanh khoản chuẩn xác sẽ giúp cho Công ty CP Chứng khoán Quốc gia chủ động trước những cảnh báo có thể xảy ra.

### **6.6 Rủi ro thanh khoản**

#### **a) Mô tả rủi ro thanh khoản của Công ty**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Phòng tài chính Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có trách nhiệm quản lý dòng tiền theo thời gian đến hạn để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

#### **b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro; quản trị rủi ro thanh khoản của Công ty**

Công cụ quản lý thanh khoản là dùng phân tích đến hạn của các dòng tiền vào (inflow) và dòng tiền ra (outflow) của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia theo kỳ hạn.

Dựa vào hệ số tài chính như hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh... và khung thời gian đáo hạn

Báo cáo về dòng tiền được Khối kế toán phụ trách và quản lý hàng ngày để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia

Để đo lường được rủi ro thanh khoản Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia còn dựa vào mức độ đa dạng hóa các loại tài sản và công nợ; khả năng thanh lý tài sản...

Trên hạn mức rủi ro thanh khoản đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có thể so sánh được trạng thái rủi ro thanh khoản hiện tại.



Rủi ro thanh khoản được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia đo lường định kỳ và thường xuyên.

### 6.7. **Rủi ro khác**

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như: động đất, chiến tranh... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể ảnh hưởng đến Công ty.

## II. **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### 1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### 1.1 **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Kinh tế năm 2015 vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất nhiều để đưa hoạt động kinh doanh của Công ty có lợi nhuận. Kết thúc năm 2015 Công ty đạt lợi nhuận hơn 9,7 tỷ đồng trước thuế, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 7,5 tỷ đồng.

Dưới đây là một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của NSI trong 3 năm vừa qua:

*Đơn vị: Đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tăng trưởng (%)
Vốn điều lệ	170.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000	0
Vốn chủ sở hữu	142.066.255.135	149.785.401.696	157.346.780.100	3,04
Tổng tài sản	202.465.848.459	202.283.953.338	160.872.086.054	-20,47
Doanh thu	20.692.137.581	23.797.870.536	25.753.185.737	8,21
LN trước thuế	4.820.977.185	8.562.335.342	9.700.844.108	13,29

*(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013, 2014, 2015)*

#### 1.2 **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

*Tình hình thực hiện kết quả kinh doanh:*

Kết thúc năm 2015, doanh thu đạt 25,75 tỷ đồng (tương đương 90,82 % kế hoạch), tổng chi phí là 16,05 tỷ (tương đương 94,23% kế hoạch), lợi nhuận đạt 9,7 tỷ đồng.

*Tình hình thực hiện các mục tiêu khác:*

- Hoạt động môi giới: Trong năm 2015 hoạt động môi giới đã nỗ lực thực hiện và đạt 84,30% kế hoạch đạt ra. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế lương kinh doanh theo doanh thu phù hợp hơn, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ bước đầu tạo được một số chuyển biến trong hoạt động môi giới của NSI;
- Dịch vụ tài chính: Công ty đã kết hợp với Ngân hàng để triển khai dịch vụ tài chính hỗ trợ cho khách hàng Hoạt động Tư vấn Tài chính: Cả năm 2015 Công ty đã thực hiện được một số hợp đồng tư vấn đem lại doanh thu 811 triệu đồng gấp đôi năm 2014, đây cũng là một bước tiến đáng kể, tạo tiền đề phát triển cho hoạt động tư vấn năm 2016.
- Công tác tổ chức nhân sự: Công ty đã rà soát nhân sự hiện có, xây dựng hệ thống chức danh, hệ thống bảng mô tả công việc, xây dựng các tiêu chuẩn nhân sự cho từng vị trí công việc, sàng lọc đội ngũ nhân sự theo hướng tinh, gọn, phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

## 2. Tổ chức nhân sự:

### 2.1 Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Trình độ	Tỉ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tóm tắt quá trình công tác		
					Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức danh công việc	Đơn vị công tác
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>							
1	<b>Vũ Quang Vịnh</b> Năm sinh: 1975 Giới tính: Nam CMND số: 013369325 Ngày cấp: 27/11/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sỹ kinh tế	0%	11/2015- nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					2015 -10/2015	Giám đốc Tư vấn Tài Chính doanh nghiệp	Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
					2010 - 2014	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh	Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh
					2009 - 2010	Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp	Công ty CP Chứng khoán Châu á Thái Bình Dương
					2007 - 2009	Trưởng phòng Tư vấn doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành	Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh
<b>Cán bộ quản lý khác</b>							
2	<b>Phạm Thị Chiến</b> Sinh năm: 1984 Giới tính: Nữ CMND số: 162488774 Ngày cấp: 10/3/2008 Nơi cấp: CA Nam Định	Kế toán trưởng	Thạc sỹ Kinh tế	0%	1/2011 - nay	Kế toán trưởng	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					4/2009 - 2/2010	Chuyên viên kế toán tổng hợp	Công ty CP Chứng khoán Đại Nam
					01/2007-3/2009	Nhân viên kế toán tổng hợp	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC
					7/2006 - 2/2006	Nhân viên kế toán bán hàng	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC

### 2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

- 14/05/2015 Bỏ nhiệm bà Vũ Cẩm La Hương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty
- 03/08/2015 Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Nhữ Thăng Long
- 18/11/2015 Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Vũ Cẩm La Hương
- 18/11/2015 Bỏ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Quang Vịnh

### **2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.**

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2015 tổng số cán bộ nhân viên toàn Công ty là 31 người, bao gồm:

*Hội sở chính:*

- Ban Tổng Giám đốc: 1 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 4 người
- Phòng Tư vấn: 3 người

*Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh:*

- Ban Giám đốc Chi nhánh: 1 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 4 người
- Phòng Tư vấn: 5 người

*Phòng/ban hỗ trợ khác:*

(Bao gồm cả Hội sở và Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh): 13 người

### **2.4 Chính sách đối với người lao động:**

*Chính sách lương:*

Công ty luôn đảm bảo mặt bằng lương cạnh tranh trên thị trường và so với các công ty chứng khoán hiện nay nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

*Chính sách khen thưởng, phúc lợi:*

Được gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động. Các chế độ khen thưởng cụ thể trong năm 2015 như sau:

- + Thưởng lương tháng 13 theo kết quả đánh giá cán bộ.
- + Thưởng cho các tập thể và cá nhân tiêu biểu 2015
- + Thưởng nhân dịp các ngày lễ tết.
- + Chế độ nhân dịp các ngày sinh nhật, hiếu hi....

*Chế độ bảo hiểm:*

Các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước.

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

### **3.1 Các khoản đầu tư lớn:**

Tính đến thời điểm 31/12/2015 Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.

### **3.2 Các công ty con, công ty liên kết:**

Tính đến thời điểm 31/12/2015 Công ty không liên kết và chưa mở công ty con.

## **4. Tình hình tài chính:**

#### 4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% +/-
Tổng giá trị tài sản	202.283.953.338	160.872.086.054	-20,47
Doanh thu thuần	23.797.870.536	25.753.185.737	8,21
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.562.335.342	9.700.844.108	13,29
Lợi nhuận khác	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	8.562.335.342	9.700.844.108	13,29
Lợi nhuận sau thuế	7.719.146.561	7.561.378.404	-2,04
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	454	445	-1,98

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2014,2015)

#### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Lần

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng, giảm
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3.78	42.92	1037.07%
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	3.78	42.92	1037.07%
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.26	0.02	-91.57%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.35	0.02	-93.60%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	0	0	0.00%
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.12	0.16	33.40%
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.32	0.29	-8.25%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.05	0.05	-3.89%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.02	0.05	135.01%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.23	0.77	236.93%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014,2015)

#### 4.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Nợ ngắn hạn năm 2015 của Công ty giảm so với 2014 đồng thời vốn lưu động của Công ty cũng gia tăng nên hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2015 tăng, bên cạnh đó hệ số thanh toán nhanh và thanh toán nợ ngắn hạn đều lớn hơn 1 điều này cho thấy khả năng thanh toán của công ty nằm ở mức khá cao, công ty luôn đáp ứng thanh toán được khoản vay ngắn hạn. Đặc biệt khoản tiền và tương đương tiền của công ty lớn gấp lần 42,92 lần so với nợ ngắn hạn chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty rất tốt.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hoạt động kinh doanh của công ty được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu thông qua việc chỉ số nợ/ tổng tài sản, Điều này cho thấy sự chủ động về tài chính của NSI.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2015 tăng 33,40% so với năm 2014 là do doanh thu năm 2015 tăng so với năm 2014. Điều này chứng tỏ công ty đang hoạt động ngày một tốt lên.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Chỉ tiêu ROA, ROE năm 2015 đều tăng so với năm 2014 là do trong năm 2015 công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế và sau thuế cao là do việc tăng doanh thu trong năm. Có thể thấy khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu và khả năng sinh lời của tổng tài sản đã tăng cao hơn.

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### 5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 17.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 17.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

##### 5.2 Cơ cấu cổ đông (tính tại ngày 31.12.2015):

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ VĐL	Đối tượng
1	Trần Việt Anh	013014219	16/10/2007	13.500.000	90%	Cổ đông lớn
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	Cổ đông lớn
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	Cổ đông lớn

### 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần đầu năm	Tỉ lệ nắm giữ so với VĐL đầu năm	Số lượng cổ phần cuối năm	Tỉ lệ nắm giữ so với VĐL cuối năm	Lý do
1	Trần Việt Anh	013014219	16/10/2007	13.500.000	90%	13.500.000	90%	
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	850.000	5%	
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	850.000	5%	
	Tổng cộng			17.000.000	100%	17.000.000	100%	

### 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

### 5.5 Các chứng khoán khác: Không

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015
I	Doanh thu	25.753.185.737
1	Môi giới	5.787.511.289
2	Đầu tư	0
3	Doanh thu khác (tư vấn, lưu ký, ...)	19.965.674.448
II	Chi phí	16.052.341.629
1	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	5.795.846.846
2	Chi phí quản lý	10.256.494.783
III	Lợi nhuận khác	0
IV	Lãi/Lỗ	9.700.844.108

#### 1.1 Những công việc đã hoàn thành:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của công ty
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động.
- Một số hoạt động nghiệp vụ:
  - + Đối với nghiệp vụ môi giới:
    - Tiếp tục tìm kiếm và phát triển khách hàng mới.
    - Đã nghiên cứu và triển khai thành công một số sản phẩm dịch vụ mới để nhằm thu hút khách hàng và tăng giá trị giao dịch cho Công ty.

+ Đối với nghiệp vụ tư vấn:

- Ký kết một số hợp đồng tư vấn cho Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành, Công ty CP Hoàng Hà, Tổng Công ty Dược Việt Nam, Công ty Cổ phần căn nhà mơ ước.....

## 1.2 Những hạn chế:

- Công ty chưa có đầy đủ các nghiệp vụ của công ty chứng khoán nên chưa thể triển khai các nghiệp vụ theo quy định của UBCK, điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1 Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	01/01/2015	31/12/2015
I Tài sản ngắn hạn	198.176.017.721	156.752.070.542
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	194.206.128.632	151.321.386.518
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.536.738	17.823.994
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.508.387.694	3.855.034.330
4. Hàng tồn kho	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	440.964.657	1.557.825.700
II Tài sản dài hạn	4.107.935.617	4.120.015.512
1. Tài sản cố định	1.636.856.433	1.222.923.855
2. Tài sản dài hạn khác	2.471.079.184	2.897.091.657
Tổng cộng tài sản	202.283.953.338	160.872.086.054

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015)

## 2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nợ phải trả	01/01/2015	31/12/2015
I	Nợ ngắn hạn	52.498.551.642	3.525.305.954
1	Người mua trả tiền trước	50.000.000	287.500.000
2	Thuế và các khoản phải nộp NN	1.576.788.702	1.511.296.350
3	Phải trả người lao động	843.373.615	441.984.214
4	Chi phí phải trả	97.000.000	22.000.000
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	49.394.086.550	1.084.174.528
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	183.917.727	167.506.095
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	179.577	179.577
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	353.205.471	10.665.190
II	Nợ dài hạn		
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015)

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty.
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động....

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

#### 4.1 Một số dự báo tình hình năm 2016.

##### **Kinh tế thế giới:**

- Kinh tế toàn cầu năm 2015 nhìn chung phát triển chậm và không ổn định, dù đã xuất hiện một số tín hiệu lạc quan. Có thể thấy, sau hơn 7 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (năm 2008), kinh tế thế giới vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng như trước đó. Dự báo năm 2016, tốc độ tăng trưởng có cải thiện hơn so với năm 2015, song kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.
- Theo dự báo của IMF, năm 2016 kinh tế thế giới sẽ phục hồi mạnh hơn, tăng trưởng toàn cầu



được dự báo là 3,4%, vượt lên mức tăng trưởng 3,1% của năm 2015 và đạt mức 3,7% vào năm 2017. Tuy nhiên một số cơ quan quốc tế lớn như WB, ADB gần đây đều rất thận trọng và điều chỉnh lại các số liệu dự báo thấp hơn so với các con số mà các cơ quan này đã đưa ra trước đó. Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu của WB công bố tháng 01-2016 dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016 ở mức 2,9%, Liên hợp quốc cũng chỉ đưa ra con số tương tự 2,9% cho tốc độ phát triển GDP toàn cầu. Mức dự báo thấp này xuất phát từ tình hình bất ổn chính trị vẫn còn nhiều nhiều khu vực: cuộc khủng hoảng và cuộc chiến chống Nhà nước Hồi giáo IS ở Trung Đông, căng vận của phương Tây với Nga... sẽ tác động đến nền kinh tế toàn cầu, đồng thời sự bất ổn, khó khăn về kinh tế và chứng khoán ở các nước lớn như Trung Quốc và Nga.

- Vì vậy, kinh tế thế giới năm 2016 được dự đoán là có phục hồi nhưng không vững chắc, chủ yếu là do thương mại toàn cầu suy giảm; khả năng biến động thị trường tài chính do các nước tiếp tục phá giá đồng tiền và lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được; giá dầu thấp gây áp lực đến cân đối tài chính ở các nước sản xuất dầu; nguy cơ suy thoái hoặc giảm phát kéo dài ở các nền kinh tế châu Âu, Nhật Bản; các thị trường mới nổi đang gặp nhiều thách thức do các nguyên nhân chính trị, kinh tế, tài chính tiền tệ chi phối. Khả năng phát triển kinh tế tiếp tục bị kìm hãm bởi những yếu tố, như năng suất thấp, dân số ngày càng già hóa và những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.
- Conference Board (tổ chức nghiên cứu kinh tế hàng đầu thế giới có trụ sở tại New York, Mỹ) dự đoán kinh tế thế giới chỉ tăng 2,8% trong năm 2016 (11). Các nền kinh tế lớn có mức tăng trưởng rất khác nhau. Cụ thể, khu vực đồng ơ-rô được dự báo mức tăng trưởng ước đạt là 1,6%, trong khi kinh tế Mỹ là 2,4%. Đáng lo ngại nhất lại là kinh tế Trung Quốc khi ngay đầu năm 2016 đã có những biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Trái ngược với kinh tế Trung Quốc, các nền kinh tế Đông Nam Á được Conference Board cho là sẽ tăng trưởng tốt ở mức 4,7%. Đây cũng là một dự báo thuận lợi cho nền kinh tế Việt Nam và các nước khu vực Đông Nam Á.

### ***Kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán:***

- Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015 là cơ sở quan trọng để các chuyên gia kinh tế thống nhất quan điểm và đặt ra mục tiêu tăng trưởng trên 6,7% trong năm 2016, cụ thể theo Nghị quyết Quốc hội số 98/2015/QH13 thông qua ngày 10/11/2015. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%. Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu dưới 5%. Tốc độ tăng giá tiêu dùng dưới 5%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31% GDP. Tỷ suất tiêu hao năng lượng trên một đơn vị GDP giảm 1,5% so với năm 2015.

- Về kinh tế, năm 2016 sẽ tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tạo sự chuyển biến rõ nét về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

***Những điểm thuận lợi:***

- TPP: Sau nhiều năm đàm phán, ngày 5/10/2015, các nước tham gia đàm phán Hiệp định TPP đã đạt được đồng thuận về tất cả các vấn đề tồn tại và chính thức tuyên bố việc kết thúc đàm phán. Ngày 5/11/2015, toàn văn Hiệp định (bản tiếng Anh) đã được các nước TPP công bố. Ngày 4/2/2016, các nước đã ký xác thực lời văn của Hiệp định, mở đường cho việc phê chuẩn Hiệp định theo quy trình pháp luật của từng nước. Cùng ngày, Bộ Công Thương đã công bố bản dịch tiếng Việt của Hiệp định. Việc gai nhập TPP đòi hỏi Việt Nam phải nâng cao năng lực cạnh tranh, hoàn thiện thể chế và năng lực thực thi pháp luật để thực hiện các cam kết trong TPP. Riêng về mở cửa thị trường, các nước tham gia Hiệp định nhất trí xóa bỏ cho nhau gần như toàn bộ thuế nhập khẩu theo lộ trình, từ đó tạo ra cơ hội kinh doanh đáng kể cho doanh nghiệp cũng như góp phần đảm bảo các lợi ích chính đáng của người tiêu dùng. Đây là cơ hội lớn để Việt Nam đổi mới mô hình hoạt động và cơ cấu tăng trưởng nền kinh tế vốn đang trì trệ, đồng thời giúp ta có thêm cơ hội để hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch hơn, từ đó thúc đẩy cả đầu tư trong nước lẫn đầu tư nước ngoài. Cùng với đó, với các tiêu chuẩn cao về mở cửa thị trường của mình, Hiệp định TPP dự kiến cũng sẽ đem lại cơ hội đáng kể trong việc tiếp cận các thị trường tiên tiến, có dung lượng cao, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế cho tất cả các nước tham gia
- Theo các chuyên gia kinh tế, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU, Cộng đồng kinh tế ASEAN... là những tín hiệu tốt để thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam. Bước sang năm 2016, khi nền kinh tế toàn cầu được cải thiện ít nhiều sẽ có tác động tích cực đến kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, nếu trong năm 2016 giá dầu vẫn ở mức thấp, giá lương thực thực phẩm, nguyên liệu đầu vào như sắt thép và các kim loại khác cũng ở mức thấp sẽ tiếp tục tác động tích cực để giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lĩnh vực sản xuất, chế biến, chế tạo.
- Khung pháp lý cho thị trường và cho công tác tái cấu trúc thị trường, đặc biệt là tái cấu trúc cho các công ty chứng khoán về cơ bản được hoàn thiện nên đây cũng là tiền đề rất quan trọng để thúc đẩy TTCK trong thời gian tới.

***Những điểm khó khăn:***

- Gia nhập TPP và các hiệp định thương mại khác bên cạnh những thuận lợi thì cũng đặt ra cho Việt Nam nhiều thách thức. Sức cạnh tranh doanh nghiệp Việt Nam còn rất yếu, cơ chế quản lý nền kinh tế còn nhiều yếu kém và thiếu sót, hiệu quả đầu tư công còn rất thấp, tỷ lệ

thất thoát đầu tư lớn là những vấn đề cần được giải quyết. Điều này đòi hỏi sự thay đổi lớn từ điều tiết kinh tế vĩ mô lẫn thay đổi nội tại mỗi doanh nghiệp, nếu không chính áp lực từ sự hội nhập này sẽ làm kinh tế Việt Nam đuối sức so với các thành viên khác trong các hiệp định đã ký kết.

- Những ngành còn khó khăn như kinh doanh bất động sản cao cấp; cơ khí chế tạo, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có cơ cấu sản phẩm và trình độ công nghệ lạc hậu; các doanh nghiệp nhà nước trì trệ, chậm đổi mới mô hình tổ chức và trang thiết bị, công nghệ và cả năng lực quản trị.
- Hệ thống ngân hàng vẫn đối diện với áp lực giảm nợ xấu và sở hữu chéo, nâng cao năng lực quản trị và chuẩn hóa các chỉ tiêu hoạt động theo chuẩn chung quốc tế và cam kết hội nhập.
- Sức cầu trong nước còn yếu, khả năng cạnh tranh, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp.
- Việc xử lý nợ xấu ngân hàng và tái cấu trúc DNNN là vấn đề lớn và không thể xử lý ngay trong thời gian ngắn.
- Ngân sách nhà nước sẽ còn có nhiều khó khăn, yêu cầu chi cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô tăng nhưng nguồn thu có nhiều khó khăn.

#### 4.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Trên cơ sở dự báo thị trường, quan điểm của ban điều hành tiếp tục đề xuất thận trọng và từng bước tìm cơ hội thị trường để tận dụng do đó Ban Tổng giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh trên lượng vốn khả dụng hiện có của Công ty như sau:

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016
I	Doanh thu	23.797.870.536	25.753.185.737	58.615.000.000
1	Môi giới	5.969.366.664	5.787.511.289	9.192.000.000
2	Đầu tư	0	0	0
3	Doanh thu khác (nguồn, tư vấn, ...)	17.828.503.872	19.965.674.448	49.324.000.000
II	Chi phí	15.235.535.194	16.052.341.629	28.390.000.000
1	Chi phí hoạt động KDCK	6.562.118.844	5.795.846.846	9.463.000.000
2	Chi phí quản lý	8.763.416.350	10.256.494.783	18.927.000.000
III	Lợi nhuận khác	0	0	
IV	Lãi/Lỗ	8.562.335.342	9.700.844.108	30.225.000.000

#### 5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán không có ý kiến loại trừ và ý kiến chấp nhận từng phần.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả với mức lợi nhuận hơn 9,7 tỷ đồng. Kết quả này phần nào phản ánh sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Trong năm 2015, Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

###### **3.1 Công tác định hướng hoạt động:**

Năm 2016 Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Định hướng hoạt động đầu tư an toàn, tập trung hoạt động cốt lõi.
- Định hướng hoạt động dịch vụ, nâng cao chất lượng các dịch vụ
- Định hướng củng cố mô hình tổ chức, tăng cường đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh 2016

###### **3.2 Công tác phát triển:**

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch 2016 đã đề ra
- Mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh và nâng cao hoạt động kinh doanh

#### **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.**

##### **1. Hội đồng quản trị:**

###### **1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu CP	Hình thức	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	0	0	Thành viên Điều hành	
2	Ông Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	13.500.000	90%	Thành viên không trực tiếp điều hành	<p>Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành</p> <p>Thành viên HĐQT - Công ty CP Bảo hiểm Hùng ương</p> <p>Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi</p> <p>Thành viên HĐQT Công ty CP dịch vụ và xây dựng địa ốc Đất Xanh</p> <p>Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác Tài sản VAB</p>
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	0	0	Thành viên độc lập	

## 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

## 1.3 Hoạt động của hội đồng quản trị

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị luôn bám sát hoạt động thực tế của Công ty để đưa ra các chủ trương, quyết sách nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị luôn theo sát Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

*Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:*

Năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 08 cuộc họp

### **Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%	
2	Ông Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	8/8	100%	
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	8/8	100%	

*Nội dung và Quyết định/Nghị quyết các cuộc họp Hội đồng Quản trị, như sau:*

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số: 16/2015/HĐQT-NQ	29/1/2015	- Thông qua chủ trương phê duyệt hạn mức kinh phí đầu tư bảo trì và nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán
2	Số: 31/2015/HĐQT/NQ	14/5/2015	- Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với Bà Vũ Cẩm La Hương
3	Số 35/2015/NQ-ĐHCĐ	27/5/2015	- Thông qua báo cáo quản trị năm 2014 và định hướng quản trị năm 2015 - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 - Thông qua kế hoạch kinh doanh 2015 của Công ty - Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015 - Thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị năm 2014 và kế hoạch trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2015 - Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập được ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty - Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và nghiệp vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán

			cho công ty
4	Số:41/2015/HĐQT-NQ	27/5/2015	- Thông qua chủ trương đăng ký thực hiện nghiệp vụ giao dịch ký quỹ.
5	Số: 52/2015/HĐQT-NQ	03/8/2015	- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Nhữ Thăng Long.
6	Số: 79/2015/HĐQT-QĐ	18/11/2015	- Thông qua việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Quang Vịnh.
7	Số: 81/2015/HĐQT-NQ	18/11/2015	- Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc và chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Vũ Cẩm La Hương.
8	Số: 87/2015/HĐQT-NQ	28/12/2015	- Thông qua chủ trương đàm phán thuê mặt bằng làm trụ sở Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh. - Thông qua chủ trương chuyển địa điểm chi nhánh công ty tại TP Hồ Chí Minh sang địa điểm mới.

#### **1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

- Ông Trần Việt Anh – Thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách công tác quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia kể từ ngày 02/12/2013 theo Quyết định số 55/2013/HĐQT-QĐ ngày 02/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Nguyễn Đình Thọ - Thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Tuy vậy, với việc duy trì chế độ báo cáo thường kỳ bằng hình thức văn bản, bằng dữ liệu điện tử các thành viên Hội đồng Quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành, chỉ đạo kịp thời với Ban Lãnh đạo Công ty.

#### **1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không**

#### **1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

- Ông Nguyễn Hải Dương – Thạc sỹ Quản trị chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính

#### **1.7 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không**

## **2. Ban kiểm soát**

### **2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	5%

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của NSI cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo NSI về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của NSI, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của NSI.

- Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
- Các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của NSI, bám sát nhiệm vụ được giao.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### 3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/người/năm)
<b>I. Thù lao Hội đồng quản trị</b>			
1	Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	260.000.000
2	Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	12.000.000
3	Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	12.000.000
<b>II. Thù lao Ban kiểm soát</b>			
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	0

STT	Tên	Chức vụ	Lương (đồng/người/năm)
<b>Tiền lương của Ban Giám đốc</b>			
1	Vũ Nhữ Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	203.164.000
2	Vũ Cẩm La Hương	Phó Tổng Giám đốc	220.928.571
3	Vũ Quang Vịnh	Phó Tổng Giám đốc	21.428.571
4	Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh	267.555.000

3.2 *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không

3.3 *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không

3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Trong năm 2015 Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán



Số : 39...-16/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia**

Chúng tôi, đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26/3/2015.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Nguyễn Thị Hồng Vân**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/01/2015
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>156.752.070.542</b>	<b>198.176.017.721</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>151.321.386.518</b>	<b>194.206.128.632</b>
1 Tiền	111		151.321.386.518	194.206.128.632
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>17.823.994</b>	<b>20.536.738</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121		30.822.184	32.617.684
2 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(12.998.190)	(12.080.946)
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.11</b>	<b>3.855.034.330</b>	<b>3.508.387.694</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		-	-
2 Trả trước cho người bán	132		60.000.000	33.000.000
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		3.795.034.330	2.983.394.707
5 Các khoản phải thu khác	138		-	491.992.987
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.557.825.700</b>	<b>440.964.657</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	473.399
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	1.557.825.700	440.491.258
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>4.120.015.512</b>	<b>4.107.935.617</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.222.923.855</b>	<b>1.636.856.433</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	106.930.012	166.936.104
- Nguyên giá	222		163.282.240	1.128.670.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.352.228)	(961.734.002)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5	1.115.993.843	1.469.920.329
- Nguyên giá	228		4.710.008.794	4.680.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.594.014.951)	(3.210.088.465)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.897.091.657</b>	<b>2.471.079.184</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	149.740.466	161.831.815
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.7	2.619.850.841	2.181.747.019
4. Tài sản dài hạn khác	268		127.500.350	127.500.350
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>160.872.086.054</b>	<b>202.283.953.338</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/01/2015
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3.525.305.954</b>	<b>52.498.551.642</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.525.305.954</b>	<b>52.498.551.642</b>
2 Phải trả người bán	312		-	-
3 Người mua trả tiền trước	313		287.500.000	50.000.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	1.511.296.350	1.576.788.702
5 Phải trả người lao động	315		441.984.214	843.373.615
6 Chi phí phải trả	316	V.9	22.000.000	97.000.000
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.10	1.084.174.528	49.394.086.550
9 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	167.506.095	183.917.727
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		179.577	179.577
13 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		10.665.190	353.205.471
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>157.346.780.100</b>	<b>149.785.401.696</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>157.346.780.100</b>	<b>149.785.401.696</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	528.621.659
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(13.401.699.371)	(20.963.077.775)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>160.872.086.054</b>	<b>202.283.953.338</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
6. Chứng khoán lưu ký	266.409.797.000	178.523.541.800
6.1. Chứng khoán giao dịch	266.409.797.000	178.523.541.800
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	266.409.797.000	178.523.541.800
6.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	-	-
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	-	-

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

  
Phạm Hồng Thương

  
Phạm Thị Chiến

  
Vũ Quang Vịnh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel : (84-4) 3944 5474 Fax : (84-4) 3944 5475

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B 02 - CTCK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND  
Năm 2015  
Năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>1 Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>V.15</b>	<b>25.753.185.737</b>	<b>23.797.870.536</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		5.787.511.289	5.969.366.664
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		1.562.800	1.027.647
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		811.363.636	419.090.909
Doanh thu lưu ký CK	01.6		659.425.997	672.369.772
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		18.493.322.015	16.736.015.544
<b>2 Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>25.753.185.737</b>	<b>23.797.870.536</b>
<b>4 Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>V.16</b>	<b>5.795.846.846</b>	<b>6.562.118.844</b>
<b>5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>19.957.338.891</b>	<b>17.235.751.692</b>
<b>6 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>V.19</b>	<b>10.256.494.783</b>	<b>8.673.416.350</b>
<b>7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 - 25}</b>	<b>30</b>		<b>9.700.844.108</b>	<b>8.562.335.342</b>
<b>8 Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		-	-
<b>9 Chi phí khác</b>	<b>32</b>		-	-
<b>10 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		-	-
<b>11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9.700.844.108</b>	<b>8.562.335.342</b>
<b>12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>V.17</b>	<b>2.139.465.704</b>	<b>843.188.781</b>
<b>13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>52</b>		-	-
<b>14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>7.561.378.404</b>	<b>7.719.146.561</b>
<b>15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.18</b>	<b>445</b>	<b>454</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Vũ Quang Vịnh



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND  
 Năm 2015 Năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.700.844.108	8.562.335.342
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		499.530.978	595.425.419
- Các khoản dự phòng	03		917.244	(3.400.650)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(823.434.911)	(753.804.225)
- Chi phí lãi vay	06		-	86.222.223
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.377.857.419	8.484.778.109
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(784.750.458)	71.872.282.664
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(49.137.638.711)	(8.601.394.263)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.564.748	64.348.773
- Tiền lãi vay phải trả	13		-	(86.222.223)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.975.072.681)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(1.055.974.726)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(43.563.014.409)</b>	<b>71.733.793.060</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(145.598.400)	(178.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		435.784	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		823.434.911	753.804.225
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>678.272.295</b>	<b>575.404.225</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	50.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(50.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		<b>(42.884.742.114)</b>	<b>72.309.197.285</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		194.206.128.632	121.896.931.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	70	V.1	<b>151.321.386.518</b>	<b>194.206.128.632</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phạm Hồng Thương

Phạm Thị Chiến

Vũ Quang Vịnh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel : (84-4) 3944 5474 Fax : (84-4) 3944 5475

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B05 - CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm 2015		Năm 2014		Giảm	Tăng	Giảm	Tăng
		Tăng	5	Tăng	6				
		01/01/2015	2	01/01/2014				31/12/2015	31/12/2014
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	B	170.000.000.000	2	170.000.000.000	-	-	-	170.000.000.000	170.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-		-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		219.857.812		219.857.812	-	-	-	219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính		528.621.659		528.621.659	-	-	-	528.621.659	528.621.659
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-		-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(20.963.077.775)		(28.682.224.336)	7.561.378.404	-	7.719.146.561	(13.401.699.371)	(20.963.077.775)
<b>Cộng</b>		<b>149.785.401.696</b>		<b>142.066.255.135</b>	<b>7.561.378.404</b>	<b>-</b>	<b>7.719.146.561</b>	<b>157.346.780.100</b>	<b>149.785.401.696</b>

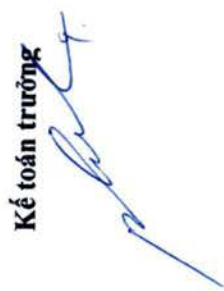
Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập





Phạm Thị Chiến

Phạm Hồng Thương



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0103015005 ngày 11/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009, Quyết định 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012, Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng. Ngày 17/06/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán cấp Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel : (84-4) 3944 5474 Fax : (84-4) 3944 5475

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán./.

**4. Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31/12/2015 là 41 người**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty Chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 tại thuyết minh số VI.18.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(tiếp theo)*

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

**3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về đầu tư chứng khoán, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

**2.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

*Loại tài sản*

*Thời gian khấu hao (năm)*

Thiết bị dụng cụ quản lý

03 - 08

**2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

*Loại tài sản*

*Thời gian khấu hao (năm)*

Phần mềm máy tính

03 - 10

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày đầu tư.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Chi phí thuê nhà, thuê văn phòng, chi phí dịch vụ trả trước, công cụ dụng cụ có giá trị lớn và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ tối đa là 3 năm.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**6. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu ứng trước tiền mua chứng khoán được xác định trên cơ sở số tiền ứng trước mua chứng khoán và lãi ứng trước tiền mua chứng khoán được quy định tại hợp đồng và phụ lục hợp đồng ứng trước tiền mua chứng khoán.

Doanh thu từ lãi tiền gửi tại các ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Việc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	43.621.764	100.192.345
Tiền gửi ngân hàng	150.840.881.643	182.055.642.396
- Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.063.239.378	49.372.405.713
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	436.883.111	12.050.293.891
<b>Tổng cộng</b>	<b>151.321.386.518</b>	<b>194.206.128.632</b>







**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**2. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng		Giảm		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
					Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ			
PET	1	1	77.050	77.050	-	-	57.350	63.750	19.700	13.300	
POT	9	9	176.594	176.594	-	-	47.894	40.694	128.700	135.900	
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	137.348	194.048	184.800	128.100	
PPG	90	90	-	-	333.000	252.000	-	-	333.000	252.000	
PVT	2	2	56.833	56.833	-	-	30.233	36.433	26.600	20.400	
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	23.600	3.600	89.000	109.000	
REE	5	5	196.500	196.500	-	-	59.000	70.500	137.500	126.000	
RIC	6	6	103.264	103.264	1.136	-	-	40.864	104.400	62.400	
S55	96	192	1.926.144	1.926.144	5.445.312	4.996.800	-	-	7.371.456	6.922.944	
S99	76	76	595.371	595.371	240.629	-	-	-	836.000	445.056	
SAM	6	7	93.472	93.472	-	-	17.272	33.972	76.200	59.500	
SAP	45	45	806.431	806.431	-	-	131.431	311.431	675.000	495.000	
SD5	173	173	2.468.892	2.468.892	-	-	392.892	319.713	2.076.000	2.149.179	
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	-	-	1.742.500	1.827.042	471.500	386.958	
SD9	68	68	983.552	983.552	-	-	31.552	134.096	952.000	849.456	
SIC	72	72	1.518.264	1.518.264	-	-	1.035.864	834.264	482.400	684.000	
SJE	80	80	3.563.500	3.563.500	-	-	2.227.500	1.387.500	1.336.000	2.176.000	
STB	8	8	176.748	176.748	-	-	50.748	71.948	126.000	104.800	
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	-	-	24.000	-	1.068.000	1.369.200	
TCR	6	6	68.094	68.094	-	-	31.494	32.694	36.600	35.400	
TMC	12	12	232.380	232.380	-	-	94.380	75.180	138.000	157.200	
TPH	12	12	-	-	86.400	187.200	-	-	86.400	187.200	
UNI	7	7	105.448	105.448	-	-	51.548	26.558	53.900	78.890	
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	-	-	603.740	865.617	1.147.300	885.423	
VCB	6	6	585.068	585.068	-	-	393.068	321.668	192.000	263.400	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel.: (84-4) 3944 5474 Fax.: (84-4) 3944 5475

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Mẫu B09 - CTCK**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Tăng		Giảm		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
					Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ			
VCS	70	70	-	-	1.890.000	5.088.720	-	-	1.890.000	5.088.720	
VIC	4	5	122.273	122.273	67.727	106.227	-	-	190.000	228.500	
VIP	1	1	19.588	19.588	-	-	7.188	10.088	12.400	9.500	
VSP	62	62	2.153.742	2.153.742	-	-	2.042.142	2.097.942	111.600	55.800	
VTS	62	62	917.570	917.570	-	-	359.570	409.170	558.000	508.400	
<b>Tổng cộng</b>	-	-	<b>32.617.684</b>	<b>30.822.184</b>	<b>8.442.138</b>	<b>11.361.843</b>	<b>12.080.946</b>	<b>12.998.190</b>	<b>24.784.876</b>	<b>26.787.337</b>	

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh đóng cửa tại ngày 31/12/2015.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu 3 công ty chứng khoán, giá niêm yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31/12/2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

(\*) Mã CIC và DHI không có giá thị trường để tham chiếu do đã hủy niêm yết.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

**3. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tạm ứng</b>	<b>1.547.825.700</b>	<b>430.491.258</b>
Phạm Thị Chiến	17.800.000	284.999.758
Nguyễn Thị Thúy Hằng	70.265.000	38.400.000
Nguyễn Thị Thanh Lan	1.449.760.700	18.400.000
Các đối tượng khác	10.000.000	88.691.500
<b>Ký quỹ, ký cược</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	10.000.000	10.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.557.825.700</b>	<b>440.491.258</b>

**4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</b>		
<b>Số dư 01/01/2015</b>	<b>1.128.670.106</b>	<b>1.128.670.106</b>
Mua trong kỳ	55.598.400	55.598.400
Thanh lý	(1.020.986.266)	(1.020.986.266)
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>163.282.240</b>	<b>163.282.240</b>
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số dư 01/01/2015</b>	<b>961.734.002</b>	<b>961.734.002</b>
Khấu hao trong năm	115.604.492	115.604.492
Giảm do thanh lý	(1.020.986.266)	(1.020.986.266)
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>56.352.228</b>	<b>56.352.228</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>166.936.104</b>	<b>166.936.104</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>106.930.012</b>	<b>106.930.012</b>

**5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>		
<b>Số dư 01/01/2015</b>	<b>4.680.008.794</b>	<b>4.680.008.794</b>
Mua trong năm	30.000.000	30.000.000
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>4.710.008.794</b>	<b>4.710.008.794</b>
<b>Giá trị đã hao mòn</b>		
<b>Số dư 01/01/2015</b>	<b>3.210.088.465</b>	<b>3.210.088.465</b>
Khấu hao trong năm	383.926.486	383.926.486
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>3.594.014.951</b>	<b>3.594.014.951</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2015

1.469.920.329

1.469.920.329

Tại ngày 31/12/2015

1.115.993.843

1.115.993.843

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.000.000 VND

**6. Chi phí trả trước dài hạn**

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ

149.740.466

161.831.815

Tổng cộng

149.740.466

161.831.815

**7. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

- Tiền nộp ban đầu

319.929.007

319.929.007

- Tiền nộp bổ sung

2.090.927.338

1.504.195.620

- Tiền lãi

208.994.496

357.622.392

Tổng cộng

2.619.850.841

2.181.747.019

**8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Thuế GTGT đầu ra

27.231.509

62.945.434

Thuế thu nhập doanh nghiệp

1.007.581.804

843.188.781

Thuế thu nhập cá nhân

476.483.037

670.654.487

Tổng cộng

1.511.296.350

1.576.788.702

**9. Chi phí phải trả**

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Chi phí thuê văn phòng

-

75.000.000

Thù lao HĐQT

22.000.000

22.000.000

Tổng cộng

22.000.000

97.000.000

**10. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

31/12/2015

01/01/2015

VND

VND

Kinh phí công đoàn

217.148

217.148

Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

1.063.239.378

49.372.405.713

Phải trả, phải nộp khác

20.718.002

21.463.689

Tổng cộng

1.084.174.528

49.394.086.550

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
 Tel: (84-4) 3944 5474 Fax: (84-4) 3944 5475

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - CTCK

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
 (tiếp theo)

**11. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Chỉ tiêu	01/01/2015		Phát sinh trong kỳ		31/12/2015		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	2.983.394.707	-	722.589.724.150	721.778.084.527	3.795.034.330	-	-
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	43.645.436	-	4.472.754.243	4.452.739.112	63.660.567	-	-
- Phải thu khách hàng nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	2.939.749.271	-	718.116.969.907	717.325.345.415	3.731.373.763	-	-
3. Phải thu khác	491.992.987	-	136.031.000	628.023.987	-	-	-
- Lãi từ hợp đồng tiền gửi, lãi cho vay	491.992.987	-	136.031.000	628.023.987	-	-	-
4. Trả trước cho người bán	33.000.000	-	248.859.040	221.859.040	60.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.508.387.694</b>	-	<b>722.974.614.190</b>	<b>722.627.967.554</b>	<b>3.855.034.330</b>	-	-



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - CTCK

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel : (84-4) 3944 5474 Fax : (84-4) 3944 5475

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(tiếp theo)

**12. Nguồn vốn chủ sở hữu**

**12.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014</b>					
Tại ngày 01/01/2014	170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(28.682.224.336)	142.066.255.135
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	7.719.146.561	7.719.146.561
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>219.857.812</b>	<b>528.621.659</b>	<b>(20.963.077.775)</b>	<b>149.785.401.696</b>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015</b>					
Tại ngày 01/01/2015	170.000.000.000	219.857.812	528.621.659	(20.963.077.775)	149.785.401.696
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	7.561.378.404	7.561.378.404
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>219.857.812</b>	<b>528.621.659</b>	<b>(13.401.699.371)</b>	<b>157.346.780.100</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

**12.2. Cổ phiếu**

	Năm 2015	Năm 2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

**13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	167.506.095	183.917.727
<b>Tổng cộng</b>	<b>167.506.095</b>	<b>183.917.727</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**14. Doanh thu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.787.511.289	5.969.366.664
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.562.800	1.027.647
Doanh thu hoạt động tư vấn	811.363.636	419.090.909
Doanh thu lưu ký chứng khoán	659.425.997	672.369.772
Doanh thu khác	18.493.322.015	16.736.015.544
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	821.872.111	926.446.745
Doanh thu phí nhận được từ hợp đồng hợp tác với VAB	-	13.980.176.249
Doanh thu dịch vụ nhượng quyền nhận tiền bán	1.011.360.233	1.581.882.605
Lãi từ quỹ hỗ trợ thanh toán	144.955.716	132.599.312
Doanh thu khác	16.515.133.955	114.910.633
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.753.185.737</b>	<b>23.797.870.536</b>

**15. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.242.368.824	3.286.979.779
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.856.513	50.674.522
Chi phí hoạt động tư vấn	88.108.092	81.318.150
Chi phí lưu ký chứng khoán	63.111.983	530.767.114
Chi phí dự phòng	917.244	-
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	3.384.484.190	2.612.379.279
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.795.846.846</b>	<b>6.562.118.844</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	25.753.185.737	23.797.870.536
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	16.028.341.629	15.235.535.194
Thu nhập chịu thuế	9.724.844.108	8.562.335.342
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	(4.729.659.067)
Thu nhập tính thuế	9.724.844.108	3.832.676.275
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.139.465.704	843.188.781

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.561.378.404	7.719.146.561
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.561.378.404	7.719.146.561
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.000.000	17.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	445	454

**18. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.321.386.518	194.206.128.632
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	17.823.994	20.536.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.795.034.330	3.475.387.694
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.134.244.842</b>	<b>197.702.053.064</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

**Công nợ tài chính**

Phải trả người bán và phải trả khác	1.251.680.623	49.578.004.277
Chi phí phải trả	22.000.000	97.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.273.680.623</b>	<b>49.675.004.277</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2015 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản vay gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày càng sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.251.680.623	-	1.251.680.623
Chi phí phải trả	22.000.000	-	22.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	49.578.004.277	-	49.578.004.277
Chi phí phải trả	97.000.000	-	97.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Nhưng Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.321.386.518	-	151.321.386.518
Các khoản đầu tư tài chính	17.823.994	-	17.823.994
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.795.034.330	-	3.795.034.330

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.206.128.632	-	194.206.128.632
Các khoản đầu tư tài chính	20.536.738	-	20.536.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.475.387.694	-	3.475.387.694

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.493.408.670	4.401.453.277
Chi phí đồ dùng văn phòng	721.859.179	202.894.708
Chi phí khấu hao TSCĐ	455.178.170	595.425.419
Thuế, phí và lệ phí	546.087.906	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.421.520.079	2.253.281.880
Chi phí bằng tiền khác	618.440.779	1.220.361.066
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.256.494.783</b>	<b>8.673.416.350</b>

**VII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ

	Năm 2015 VND
Lương	1.270.922.905
Thù lao Hội đồng quản trị	264.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.534.922.905</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(tiếp theo)

**2. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam nay đổi tên là Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

**Phạm Hồng Thương**

**Phạm Thị Chiến**

**Vũ Quang Vịnh**

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty**



CHỦ TỊCH HĐQT

*Nguyễn Hải Dương*